

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HN-ST  
Ngày: 10 - 5- 2022  
“V/v Ly hôn và tranh chấp quyền  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lữ Khắc Hồi.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022. Về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1980. Nơi đăng ký HKTT: ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Phú K, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị H có lời trình bày như sau:* Bà với ông Trương Văn M do tìm hiểu quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22/6/2015, nữ trang cưới không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông M thường xuyên

rượu chè và dung những lời thiếu khiêm nhã với bà, thậm chí còn đánh bà nhiều lần bà có khuyên nhưng ông M không nghe còn không sửa đổi từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng và vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian tới vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn M.

*Về con chung:* Bà với ông M có với nhau một người con chung là Trương Tấn S, sinh ngày 24/8/2016; hiện nay đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con và bà chưa đặt a đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng:* Bà H khai không có, bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị H vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, có lời khai thống nhất như bản tự khai mà bà đã trình bày.

*Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì ông Trương Văn M có lời trình bày như sau:* Ông với bà H do tìm hiểu quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới vợ chồng cùng nhau đi làm thuê tại tỉnh Đồng Nai, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 thì ông bị bệnh không đi làm được từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn được gia đình hai bên hàn gắn cho vợ chồng ở lại nhưng không được bao lâu thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ông về nhà cha mẹ ông sống từ cưới năm 2019 cho đến nay. Nay bà H ly hôn với ông thì ông đồng ý.

*Về con chung:* Ông với bà H có với nhau một người con chung tên Trương Tấn S, sinh ngày 24/8/2016; hiện nay đang sống chung với bà H. Khi ly hôn ông thống nhất để con cho bà Hòa được quyền nuôi con, ông chưa đặt a đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, sau khi ông với bà H ly hôn ông xin được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

*Về tài sản chung:* Ông với bà H không có tạo lập được tài sản chung nên ông không yêu cầu gì.

*Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng:* Không có nên ông cũng không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay ông Mười vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm cho rằng:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cả nguyên đơn và bị đơn điều có đơn xin xét xử vắng mặt

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật hôn nhân và gia đình Vị đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị H với ông Trương Văn M được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng em Trương Tân S, sinh ngày 24/8/2016.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đỗ Thị H chưa đặt ra yêu cầu, đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị H là nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ông Trương Văn M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn M. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

#### **Về nội dung:**

[1] Bà Đỗ Thị H và ông Trương Văn M xác lập quan hệ hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22/6/2015 theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 80/2015 ngày 22/6/2015 từ đó xác định hôn nhân giữa bà Hòa với ông M là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Hòa cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông Mười thường xuyên rượu chè và có những lời lẽ xúc phạm bà dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng nghiêm trọng, nên bà với ông M đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay không thể hàn gắn được.

Theo ông Trương Văn M cho rằng vợ chồng ông, bà có thời gian đi làm thuê và khi ông bệnh thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau không còn sống chung, gia đình hai bên có khuyên nhưng cũng không kết quả.

Xét thấy vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này bà H với ông M không còn quan tâm nhau trong cuộc sống. Bà H xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông M không còn hạnh phúc thời gian tới không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết xin được ly hôn với ông M.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Cho bà H và ông M được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Em Trương Tấn S, sinh ngày 24/8/2016 hiện đang sống với bà H. Xét thấy, từ lúc bà H với ông M sống ly thân nhau thì em Trương Tấn S do bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo chu đáo về mọi mặt cho em Trương Tấn S, cũng như đảm bảo việc lớp học hành. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng, đảm bảo cho em Trương Tấn S có cuộc sống ổn định về tư tưởng, chỗ ở, ổn định các sinh hoạt cuộc sống hằng ngày, cũng như việc đến lớp học hành. Xét thấy khi ly hôn giao em Trương Tấn S cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đỗ Thị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Trương Văn M được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Em Trương Tân S, sinh ngày 24/8/2016 hiện đang sống với bà Đỗ Thị H. Khi ly hôn giao con chung cho bà Đỗ Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đỗ Thị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu số tiền là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0008752 ngày 14/02/2012 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh thu, như vậy bà Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn M không phải nộp án phí hôn nhân.

Bà Đỗ Thị M và ông Trương Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**

